TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/DS-PT
Ngày: 22/4/2021
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Thuấn

Bà Dương Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đồng Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Việt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/4/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 (Thụ lý cũ số 35/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2020) về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST, ngày 16/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2021/QĐ-PT, ngày 22/02/2021 giữa các bên đương sự:

- **Đồng nguyên đơn**: Ông Thao T , sinh năm 1952 và bà Y M, sinh năm 1963 (Đều có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Kh, xã Y, huyện H, tỉnh T.

- **Bị đơn**: Bà Lê Thị V, sinh năm 1961 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh T

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

+ Anh Nguyễn Đình V, sinh năm 1968 và chị Trần Thị T, sinh năm 1971; Cùng địa chỉ: Thôn Kh, xã Y, huyện H, tỉnh T (Đều Có mặt)

+ Anh A H, sinh năm 1986; Chị Y N, sinh năm 1988; Chị Y D, sinh năm

1993; Chị Y V, sinh năm 1995; Anh A Q, sinh năm 2000; Cùng địa chỉ: Thôn Kh, xã Y, huyện H, tỉnh T (Đều vắng mặt).

+ Chị Y L, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn L, xã D, huyện C, tỉnh N (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Thao T, bà Y M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh A H, Chị Y Nh, Chị Y D, Chị Y V, Anh A Q là anh Nguyễn Đình V, sinh năm 1968 và chị Trần Thị T, sinh năm 1971 (Đều có mặt)

+ Ông Lê Văn H và bà Lê Thị V; Cùng địa chỉ: Thôn Kh, xã Y, huyện H, tỉnh T (Đều Vắng mặt)

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H và bà Lê Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vu án đồng nguyên đơn ông Thao Tvà bà Y M trình bày: Chúng tôi có một lô đất tại Thôn Kh, xã Y, huyện H, tỉnh T, nguồn gốc đất là do trước đây bố mẹ tôi (Thao T) để lại, sau đó được ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC863738 ngày 14/11/2005 cấp cho hộ gia đình tôi là Y M và Thao Ttại thửa đất số 18A, 19, 20 tờ bản đồ số 08, diện tích là 1.500m2, có chiều rộng là 50m mặt đường (theo quốc lộ 40). Chúng tôi đã cho con A Hùng là 29m mặt đường (làm giấy chứng nhận 27m, còn 02m chưa cấp giấy chứng nhận), sau đó A Hùng chuyển nhượng cho anh Nguyễn Đình V và chị Trần Thị T, lô này không có tranh chấp. Chúng tôi sang nhượng cho bà Lê Thị V 10 mét mặt đường (chỉ viết giấy tay, chưa sang tên), bán cho ông Trần Văn Côn 05 mét mặt đường (chỉ viết giấy tay, chưa sang tên); còn lại một lô 06 mét mặt đường vợ chồng tôi và các con sang nhượng cho anh Nguyễn Đình V và chị Trần Thị T vào thời gian năm 2006, nhưng đến ngày 01/02/2016 thì làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại ủy ban nhân dân xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Lô đất này nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC863738 được UBND huyện Ngọc Hồi cấp ngày 14/11/2005 cấp cho hộ gia đình tôi là Y M và Thao Ttại thửa đất số 20 tờ bản đồ số 08. Diện tích sang nhượng là 180m^2, chiều rộng 6 mét, chiều dài 30 mét. Lô đất có tứ cận như sau: Phía Đông Nam có chiều rộng là 06m giáp đường quốc lộ 40, phía Tây Bắc giáp đất ông Thao Tcó chiều rộng là 06m, phía Đông Bắc giáp đất bà Lê Thị V (đã nhận sang nhượng của ông Thao Tnhưng chưa sang tên) có chiều dài là 30m, phía Tây Nam giáp mương nước có chiều dài là 30m.

Hiện nay bà Lê Thị V tranh chấp với anh Nguyễn Đình V và chị Trần Thị T lô đất 06 mét mặt đường (tôi đã sang nhượng cho anh Vịnh, chị Tân, thủ tục đã có xác nhận của xã Pờ Y), bà Vĩnh đã trồng một số cây trên đất và xây tường nhà tắm,

móng đá trên đất. Tôi không bán lô đất này cho bà Vĩnh cũng không trừ nợ như bà Vĩnh đã khai trước đây tại Tòa án. Sau khi đo đạc lô 06 mét mặt đường để hoàn tất thủ tục sang nhượng, nhưng do có tranh chấp nên chúng tôi chưa chuyển được quyền sử dụng đất cho anh Vịnh và chị Tân. Nay chúng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị V di dời cây, dỡ bỏ móng đá xây trên đất, trả lại lô đất đang tranh chấp trên cho hộ gia đình chúng tôi để chúng tôi chuyển quyền sử dụng đất cho anh Vịnh và chị Tân.

Bị đơn bà Lê Thị V dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Vĩnh không ra Tòa làm việc, vì vậy, không có lời khai tại hồ sơ. Tuy nhiên, sau khi nhận giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án bà Vĩnh có ghi như sau: Tôi không nhận giấy cũng không đi đâu hết, vì lý do đất này tôi đã mua bán sòng phẳng của ông Thao T, đã trừ nợ của ông Thao Ttừ năm 1998 (đã có giấy tờ trừ nợ). Nhà ở cũng của tôi, cây cối cũng của tôi, nhà phía cạnh cũng là nhà của tôi, không liên quan đến bà V và ông H. Xã Pờ Y chưa hòa giải tại sao Tòa án thụ lý giải quyết.

Tại cấp phúc thẩm bà Lê Thị V trình bày: Diện tích đất này không nằm trong giấy chứng nhận của ông Thao T, bà Vĩnh khai hoang năm 1994 là đất sình lầy, sau đó ông Thao Tnói là đất của ông nên đã trừ nợ của ông Thao Tnăm 1998, lúc đó ông Thao Tnợ tiền mua gạo, thịt, cá...tổng số tiền là 1.220.000đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình V và bà Trần Thị T trình bày tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa: Chúng tôi sang nhượng lô đất tại Thôn Kh, xã Y, huyện H, tỉnh T của hộ ông Thao Tvà bà Y M vào thời gian năm 2006 đến ngày 01/02/2016 thì làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại ủy ban nhân dân xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Là đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC863738 được UBND huyện Ngọc Hồi cấp ngày 14/11/2005 cấp cho hộ gia đình ông Thao Tvà bà Y M tại thửa đất số 20 tờ bản đồ số 08. Diện tích sang nhượng là 180m^2, chiều rộng 6 mét, chiều dài 30 mét. Hiện nay có nhu cầu sử dụng, nhưng bà Lê Thị V tranh chấp, bà Vĩnh đã trồng một số cây trên đất và xây một đoạn tường móng đá, móng nhà tắm trên đất. Trước đây chúng tôi đã nộp đơn khởi kiện ra Tòa án và đứng nguyên đơn nhưng Tòa án xét xử, do hồ sơ chuyển nhượng chưa đăng ký tại phòng đăng ký đất đai nên chưa vào sổ địa chính, vì vậy Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của chúng tôi là nguyên đơn. Tổng số đất gia đình tôi mua của hộ gia đình ông Thao Tlà 35 mét chiều rộng tính theo mặt đường quốc lộ. Trong đó lô 29 m mặt đường là của gia đình ông Thao Ttặng cho con trai là A Hùng sang nhượng cho chúng tôi, lô đất này không liên quan ở vụ kiện này. Lô 06 m chiều rộng theo mặt đường (đã mua của ông Thao Tnhưng đang làm thủ tục sang tên) Hiện nay lô đất này bà Vĩnh tranh chấp nên chúng tôi chưa chuyển được quyền sử dụng đất cho nhau, tứ cận của lô đất: Phía Đông Nam có chiều rộng là 06m giáp đường quốc lộ 40, phía Tây Bắc giáp đất ông

Thao Tcó chiều rộng là 06m, phía Đông Bắc giáp đất bà Lê Thị V (đã sang nhượng của ông Thao Tnhưng chưa sang tên) có chiều dài là 30m, phía Tây Nam giáp mương nước có chiều dài là 30m.

Giữa hai bên là ông Thao T, bà Y M và chúng tôi là Nguyễn Đình V và Trần Thị T đã làm hợp đồng sang nhượng quyền sử dụng đất, có chứng thực của chính quyền địa phương xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi. Tôi đã lên nộp hồ sơ tại phòng tài nguyên môi trường, nhưng phòng tài nguyên môi trường trả lời chúng tôi: Do lô đất này đang tranh chấp cần phải giải quyết qua Tòa án thì mới đủ cơ sở để chuyển quyền sử dụng đất, do vậy tôi lại lấy hồ sơ về.

Còn bà Vĩnh lúc khai là lô đất này bà khai hoang, khi gọi ra đối chất lần trước tại phiên tòa bà Vĩnh lại khai là trừ nợ của ông Thao T. Nay ông Thao Tđã ra Tòa án để trình bày thì ông T nói rõ ràng là đất này ông sang nhượng cho chúng tôi là Nguyễn Đình V và Trần Thị T, chứ không hề mua bán hay đổi chác, trừ nợ gì hết, lô đất này không liên quan đến bà Vĩnh.

Khi tôi thấy bà Vĩnh xây móng đá trên đất này, chúng tôi đã trực tiếp nói chuyện với bà Vĩnh: không nên xây trên đất này vì đất này chúng tôi đã mua lại của ông Thao Ttừ trước đây rồi. Thì bà Vĩnh trả lời "Tao cứ xây đấy, mày làm gì được tao" sau đó chúng tôi đã lên báo với UBND xã Pờ Y, Uỷ ban xã đã xuống dừng việc xây dựng của bà Vĩnh lại. Uỷ ban xã Pờ Y đã hòa giải về việc tranh chấp này nhưng bà Vĩnh không đồng ý trả đất cho chúng tôi. Nay hộ gia đình ông Thao Tvà bà Y M khởi kiện yêu cầu bà Vĩnh trả lại lô đất cho hộ gia đình ông, để ông Thao Tvà bà Y M làm thủ tục sang nhượng cho chúng tôi là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn H và bà Lê Thị V không ra Tòa theo giấy triệu tập nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án, tuy nhiên khi xem xét thẩm định tại chỗ thì ông H và bà V cho biết ông bà vẫn ở nhà của bà Vĩnh và hưởng lợi từ vườn cây của bà Vĩnh trồng. Ông bà cho rằng ông bà không liên quan đến vụ án vì đất và cây cối nhà cửa đều của bà Lê Thị V nên không tham gia.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Đình V và chị Trần Thị T là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh A Hùng, chị Y Nhối, chị Y Din, chị Y Vịn, anh A Quỳnh, chị Y Liễu. Chị Tân, anh Vịnh trình bày: Các con của ông Thao Tvà bà Y M đều nhất trí ký hợp đồng sang nhượng đất cho gia đình tôi, không có ý kiến gì nên đã ủy quyền cho chúng tôi tham gia phiên tòa và cùng yêu cầu bà Vĩnh tháo dỡ di dời cây cối trên đất tranh chấp để trả lại đất cho hộ gia đình ông Thao T.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST, ngày 16-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Áp dụng các khoản 1,3 Điều 8, Điều 115, 158, 164, khoản 1 Điều 166, Điều 169 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn.

2. Buộc bà Lê Thị V chấm dứt hành vi sử dụng trái phép đất tranh chấp, trả cho hộ gia đình ông Thao Tvà bà Y Miệl diện tích đất là 180 m^2 đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC863738, thửa đất số 20, tờ bản đồ số 08, được ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp ngày 14/11/2005 cho hộ gia đình ông Thao Tvà bà Y Miệl, tại thôn Kon Khôn xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Đất có tứ cận như sau: Phía Đông Nam có chiều rộng là 06m giáp đường quốc lộ 40, phía Tây Bắc giáp đất ông Thao Tcó chiều rộng là 06m, phía Đông Bắc giáp đất bà Lê Thị V (đã sang nhượng của hộ gia đình ông Thao Tnhưng chưa sang tên) có chiều dài là 30m, phía Tây Nam giáp mương nước có chiều dài là 30m.

3. Chấp nhận sự tự nguyện của đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn, ông Nguyễn Đình V bà Trần Thị T, giữ nguyên phần bờ kè xây trên đất tranh chấp: (chiều dài 13 mét, chiều rộng là 70 cm, chiều cao là 37cm), bờ kè đá này sẽ thuộc quyền sở hữu của hộ gia đình ông Thao Tvà bà Y Miệl. Ông Thao Tvà bà Y Miệl trả cho bà Lê Thị V số tiền 13.776.208đ (mười ba triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm linh tám đồng).

4. Buộc bà Lê Thị V tháo dỡ một phần của nhà tắm nằm trên đất tranh chấp, gồm một bên chiều dài là 1,87m nối với một phần đáy là 1m = 2,87 m, cao 1,7m. dày 15cm và chặt bỏ những cây nằm trên đất tranh chấp gồm: 18 cây chuối; 10 cây cao su; 02 cây bời lời; 01 cây bơ; 02 cây Xoài; 01 cây ổi; 01 cây nhãn; 02 cây mít.

5. Đối với phần xây kè đá và trồng cây ngoài mốc lộ giới: bờ kè bằng đá có chiều dài là 9,5m, (trong đó đoạn dài 6,4m chiều rộng là 50 cm, chiều cao là 80cm; đoạn dài 3,1 m có chiều rộng 70cm, chiều cao 37 cm), trên đất trồng 02 khóm ca ri. Kiến nghị ủy ban nhân dân xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum giải quyết theo thẩm quyền để trả lại hiện trạng ban đầu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 26/11/2020 và ngày 28/11/2020 bị đơn bà Lê Thị V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị V và ông Lê Văn H kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST, ngày 16/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum cho rằng cùng một vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất mà Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi thụ lý và giải quyết hai lần là không đúng. Đối với diện tích đất đang tranh chấp thì trước đây bà Vĩnh khai hoang năm 1994, sau đó ông Thao Tnói là đất của ông nên đã mua của ông Thao Tnăm 1998, lúc đó ông Thao Tnợ tiền mua gạo, thịt, cá...tổng số tiền là 1.220.000đ nên đã trừ nợ, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn và người liên quan không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu ý kiến như sau:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp là của cha, mẹ ông Thao Tđể lại, đã được ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Thao Tvà bà Y M. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lê Thị V không đưa ra được chứng cứ tài liệu gì để chứng minh cho lời trình bày về việc khai hoang hay trừ nợ. Qua phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ, nội dung đơn kháng cáo đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét. Căn cứ vào Điều 293; khoản 1 Điều 308; Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của ông Lê Văn H và bà Lê Thị V; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST, ngày 16-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét nội dung, quyết định của bản án sơ thẩm, đơn kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Tài sản tranh chấp và bị đơn cư trú tại huyện Ngọc hồi, tỉnh Kon Tum nên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện "Tranh chấp quyền sử dụng đất" Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi thụ lý đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H và bà Lê Thị V là người kháng cáo, tuy nhiên tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do được coi là từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc kháng cáo của ông Lê Văn H và bà Lê Thị V.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị V thấy rằng:

[2.1] Về nguồn gốc đất: Nguyên đơn cho rằng diện tích đất đang tranh chấp là của cha, mẹ ông Thao Tđể lại, đã được ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Thao Tvà bà Y M. Diện tích đất tranh chấp là 180 m^2 đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC863738, tại thửa đất số 20 tờ bản đồ số 08 được ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp ngày 14/11/2005 cho hộ gia đình ông Thao Tvà bà Y Miệl tại Thôn Kh, xã Y, huyện H, tỉnh T.

Bà Lê Thị V cho rằng: Diện tích đất đang tranh chấp trước đây bà Vĩnh khai hoang năm 1994, sau đó ông Thao Tnói là đất của ông nên đã trừ nợ của ông Thao Tnăm 1998, lúc đó ông Thao Tnợ tiền mua gạo, thịt, cá...tổng số tiền là 1.220.000đ.

Thấy rằng, bà Vĩnh khai như trên nhưng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình về việc khai hoang hay trừ nợ. Việc bà Vĩnh cho rằng lô đất đã được trừ nợ nhưng không được ông Thao Tvà bà Y Miệl thừa nhận, ông Thao Tvà bà Y Miệl khẳng định đã bán 06 mét mặt đường Quốc lộ 40 giáp mương nước cho anh Nguyễn Đình V và chị Trần Thị T chứ không trừ nợ cho bà Vĩnh.

Tại cấp phúc thẩm đã thu thập thêm một số chứng cứ để chứng minh về nguồn gốc đất: Tại Văn bản số 78/CV-UBND ngày 19/4/2021 của Ủy ban nhân dân xã Pờ Y và Văn bản số 41/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 19/4/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Ngọc Hồi về kiểm tra sổ mục kê, sổ địa chính tại vị trí đất tranh chấp xác định nằm trong phần diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Thao T. Trong sổ mục kê, sổ địa chính bà Lê Thị V không phải là người kê khai sử dụng đất.

Về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm ngày 16/4/2021 đã xác định: Diện tích 180 m^2 đang tranh chấp là đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC863738 được ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp ngày 14/11/2005 cho hộ gia đình ông Thao Tvà bà Y M. Theo giấy chứng nhận đã được cấp cho hộ ông Thao Tcó chiều dài mặt đường Quốc lộ 40 là 50 mét, trong đó gia đình ông T đã tặng cho con trai A Hùng là 29 mét (A Hùng đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Đình V và chị Trần Thị T), bán cho ông Trần Văn Côn là 05 mét, bán cho bà Lê Thị V là 10 mét và 06 mét đang tranh chấp đã bán cho anh Vịnh, chị Tân. Tổng cộng là 50 mét đủ theo giấy chứng nhận đã được cấp cho hộ ông Thao T.

Do đó, nguồn gốc đất là của hộ gia đình ông Thao Tđã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ.

[2.2] Trong đơn kháng cáo của bà Vĩnh cho rằng cùng một vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất mà Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi thụ lý và giải quyết hai lần là không đúng. Thấy rằng, vụ án trước tòa án huyện Ngọc Hồi thụ lý trong đó xác định anh Nguyễn Đình V và chị Trần Thị T là nguyên đơn, ông Thao Tvà bà Y M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ vào khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự quy định "Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp...". Trong vụ án Tòa án huyện Ngọc Hồi trước đó đã xử không chấp nhận đơn của anh Nguyễn Đình V và chị Trần Thị T, nhưng vụ án này đã có sự thay đổi tư cách tham gia tố tụng giữa nguyên đơn và người liên quan nên đúng quy định của pháp luật.

Việc thụ lý giải quyết của cấp sơ thẩm có quyết định gia hạn theo đúng quy định của pháp luật tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự nên không vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

[3] Ngoài ra, về việc cấp sơ thẩm xác định anh Nguyễn Đình V và chị Trần Thị T là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh A H, chị Y Nh, chị Y D, chị Y V, anh A Q, chị Y L và nguyên đơn ông Thao T, bà Y M theo giấy ủy quyền của vụ án trước là chưa phù hợp. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm đã hỏi ý chí của họ và các đương sự không có ý kiến gì về việc ủy quyền tại cấp sơ thẩm. Tại cấp phúc thẩm các đương sự đã ủy quyền lại và mong muốn anh Nguyễn Đình V và chị Trần Thị T tiếp tục là người đại diện theo ủy quyền. Do đó, xét thấy không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

Như vậy, Tòa án sơ thẩm đã xem xét chấp nhận đơn khởi kiện của ông Thao Tvà bà Y M là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những nhận định, phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy rằng kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị V không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] *Án phí và chi phí dân sự phúc thẩm:* Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị V, ông Lê Văn H, bà Lê Thị V không có đơn xin miễn án phí. Do đó, kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị V không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Lê Văn H và bà Lê Thị V được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt vẫn phải chịu án phí phúc thẩm.

Ngoài ra, ông Lê Văn H, bà Lê Thị V là vợ, chồng có cùng một nội dung đơn kháng cáo và có cùng yêu cầu chỉ phải nộp chung tiền án phí phúc thẩm là 300.000đ. Ông Lê Văn H, bà Lê Thị V không có yêu cầu riêng nên cần hoàn trả lại 300.000đ cho ông Lê Văn H, bà Lê Thị V.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm là 3.000.000đ, bà Trần Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296; Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của ông Lê Văn H và bà Lê Thị V.

2. Căn cứ Điều 293; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị V đề ngày 26/11/2020 và ngày 28/11/2020 .

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST, ngày 16/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bà Lê Thị V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0002586 ngày 09

tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, bà Vĩnh đã nộp đủ.

Ông Lê Văn H và bà Lê Thị V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0002587 ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, ông Lê Văn H và bà Lê Thị V đã nộp đủ.

Hoàn trả lại cho ông Lê Văn H, bà Lê Thị V 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 0002587 ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (22/4/2021).

***Nơi nhận*:**
- Tòa án ND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND t. Kon Tum;
- Chị cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- TAND huyện Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Minh